

Bản án số: 32/2021/HS-PT

Ngày: 14- 01-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Duyên

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thu Phương

Ông Phan Trịnh Minh Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Viết Nhiên - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 453/2020/TLPT-HS ngày 12 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo D M T và đồng phạm, do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 134/2020/HSST ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2021/QĐXXPT-HS ngày 06 tháng 01 năm 2021.

- Bị cáo có kháng nghị:

1/ D M T; sinh ngày 07/3/2005 tại Thành phố H; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 15/29/7 Đất Thánh, phường N, Quận T, Thành phố H; chỗ ở: Số 117/5A ấp 4, xã X, huyện H, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 01/12; nghề nghiệp: Không; giới tính: Nam; họ và tên cha: không rõ, họ và tên mẹ: D T T; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày: 22/01/2020 (có mặt tại phiên tòa).

2/ P A T, sinh ngày 12/7/2004 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 5, thôn Hưng Hòa, xã L, huyện K, Tỉnh H; chỗ ở: Nhà không số (số tạm 114/5F) Tổ 11, ấp 5, xã X, huyện H, Thành phố M; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Không; giới tính: Nam; họ và tên cha: P B N, họ và tên mẹ: D T T; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày: 22/01/2020 đến ngày 30/01/2020 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt tại phiên tòa).

Những người tham gia tố tụng:

- Người bị hại: Bà P T N, sinh năm 1988; địa chỉ: 85 đường ĐHT 06 (núi dài),

Phường T, quận M, Thành phố H (vắng mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của D M T:*

1. Bà H H C, chuyên viên Phòng thương binh xã hội, huyện H (vắng mặt).

- *Người đại diện hợp pháp của Phạm Anh Tuấn:*

2. Ông P T H, cha của P A T, sinh năm 1978

Địa chỉ: Nhà không số (số tạm 114/5F) Tổ 11, ấp 5, xã H, huyện H, Thành phố H (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị D M T:*

- Luật sư N T D - Văn phòng Mai Duy Linh- Thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo P A T:

- Luật sư M M Q - Công ty TNHH MTV Thoại Khánh thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19g00 ngày 21/01/2019 P A T điều khiển xe máy biển số 60S2-3597 đến nhà rủ D M T đi ăn cơm thì T rủ T tìm người có tài sản cướp giật bán lấy tiền tiêu xài, T đồng ý và nói biển số xe của T rõ nên Thiện lấy biển số 51Y1-6268 lắp vào xe của T còn biển số 60S2-3597 thì để lại nhà T, rồi T chở T lòng vòng trên đường khi đến khu vực ấp 3, xã X, huyện H, T phát hiện chị P T T K đang ngồi trên xe hướng ngược chiều, trên tay cầm chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6s nên T bảo T quay đầu xe, điều khiển áp sát bên trái người chị K để cho T ngồi phía sau dùng tay phải giật chiếc điện thoại của chị K, Tuấn tăng ga tẩu thoát, do bánh xe bị trơn nên cả hai bị ngã xuống đường, chị K tri hô quần chúng bắt được cả hai, giao cho công an xử lý.

Tang vật: Đã thu hồi trả người bị hại.

Bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra, T và T thừa nhận hành vi của mình.

Theo bản kết luận định giá tài sản số: 27/2020 ngày 20/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng, kết luận: “ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6s 32Gb màu vàng Gold, số tiền: 3.500.000đ”

Bản cáo trạng số 113/CT-VKS ngày 23/6/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Thành phố H đã truy tố các bị cáo về tội Cướp giật tài sản theo Điểm d Khoản 2 Điều 171 của Bộ Luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017).

Tại bản án HSST số: 134/2020/HS-ST ngày 31/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện H đã tuyên xử:

- Tuyên bố các bị cáo D M T, P A T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

1. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm o khoản 1 Điều 52, điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 90, Điều 91, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Dương Minh Thiện.

2. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 90, Điều 91, Điều 38, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 đối với bị cáo Phạm Anh Tuấn.

Tuyên bố các bị cáo D M T và P A T phạm tội cướp giật tài sản.

Xử phạt bị cáo D M T 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ: 22/01/2020.

Xử phạt bị cáo P A T 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm, thời hạn tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

Ngoài ra bản án còn tuyên về việc xử lý vật chứng, xử lý tài sản do phạm tội mà có; Về nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo của các bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp của người bị hại và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11 tháng 9 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện H kháng nghị bản án sơ thẩm trên với lý do: D M T là người có vai trò chính, rủ rờ T là người dưới 16 tuổi phạm tội, thay biển số xe để tránh phát hiện, trực tiếp giật chiếc điện thoại di động, bản thân T có nhân thân xấu nhưng tòa án cấp sơ thẩm tuyên mức án bằng với bị cáo T là vi phạm nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật. Ngoài ra, bản án không áp dụng khoản 2 Điều 101 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt đối với D M T, áp dụng Điều 38 về hình phạt tù có thời hạn khi quyết định hình phạt tù cho hưởng án treo cho bị cáo Phạm Anh Tuấn, áp dụng Điều 65 nhưng không ghi rõ khoản 1,2, tuyên bị cáo Tuấn 02(hai) năm tù cho hưởng án treo nhưng không ghi rõ thời hạn bắt đầu thời gian thử thách là có thiếu sót. Quyết định: Kháng nghị một phần hình phạt và căn cứ áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử theo hướng tăng hình phạt đối với bị cáo D M T, ghi rõ thời gian thử thách đối với bị cáo P A T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo D M T, P A T xin Hội đồng xem xét giữ nguyên bản án sơ thẩm vì Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng người, đúng tội.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu ý kiến về nội dung kháng nghị và quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá về nội dung vụ án, về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát xác định Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố H xét xử các bị cáo D M T và P A T phạm tội “Cướp giật tài sản” theo các điểm d Khoản 2 Điều 171; Điểm h, s Khoản 1 Điều 50, 51; Điều 90, Điều 91, Điều 38 Bộ Luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017) là đúng người, đúng tội.

Về kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện H: Trong thời hạn luật định là hợp lệ.

Về nội dung kháng nghị: Xét thấy về mức án tòa cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo D M T là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi của bị cáo nên việc kháng nghị tăng hình phạt đối với bị cáo T là không cần thiết. Do vậy xin rút một phần kháng nghị về phần

hình phạt đối với bị cáo D M T, riêng đối với bị cáo P A T tòa cấp sơ thẩm cho hưởng án treo nhưng tuyên chưa chính xác. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo: Thống nhất với tội danh mà cấp sơ thẩm đã truy tố xét xử bị cáo và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm.

Các bị cáo không bào chữa bổ sung, không ai tham gia tranh luận và đối đáp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

I. Về thủ tục tố tụng: Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn trong thời hạn luật định, phù hợp với các quy định tại Điều 332 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

II. Về nội dung: Xem xét nội dung kháng nghị.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tội danh:

Vào khoảng 19g00 ngày 21/01/2019 PA T điều khiển xe máy biển số 60S2-3597 đến nhà rử D M T đi ăn cơm thì T rử T tìm người có tài sản cướp giật bán lấy tiền tiêu xài, Tuấn đồng ý và nói biển số xe của T rõ nên T lấy biển số 51Y1-6268 lắp vào xe của Tuấn còn biển số 60S2-3597 thì để lại nhà T, rồi T chở Tuấn lòng vòng trên đường khi đến khu vực ấp 3, xã X, huyện H, Thiện phát hiện chị K đang ngồi trên xe hướng ngược chiều, trên tay cầm chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6s nên T bảo T quay đầu xe, điều khiển áp sát bên trái người chị K để cho T ngồi phía sau dùng tay phải giật chiếc điện thoại của chị K, T tăng ga tẩu thoát, do bánh xe bị trơn nên cả hai bị ngã xuống đường chị K tri hô quần chúng bắt được cả hai, giao cho công an xử lý.

Hành vi của bị cáo D M T và đồng phạm là nguy hiểm cho xã hội, vì đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác và gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an chung.

Bị cáo D M T và đồng phạm đã phạm tội với động cơ, mục đích là chiếm đoạt tài sản; bị cáo T và T đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý và có năng lực trách nhiệm hình sự.

Hành vi của các bị cáo T, T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015, (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017).

Do đó, Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố H tuyên bố các bị cáo D M T và P A T phạm tội “Cướp giật tài sản” theo quy định các điểm d Khoản 2 Điều 171; Điểm h, s Khoản 1 Điều 50, 51; Điều 90, Điều 91, Điều 38 Bộ Luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017) là đúng người, đúng tội.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo cũng khai nhận đã thực hiện hành vi đúng như bản án sơ thẩm đã nêu.

[2] Về hình phạt:

Trong vụ án này, bị cáo P A T là người điều khiển xe gắn máy để cho D M T là người trực tiếp giật chiếc điện thoại của người bị hại nhằm chiếm đoạt tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo T, T thực hiện do lỗi cố ý, xâm hại đến quyền sở hữu hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H rút một phần kháng nghị tăng hình phạt đối với bị cáo D M T, giữ nguyên phần kháng nghị còn lại là tuyên thời hạn thử thách đối với bị cáo P A T đúng với quy định. Do đó, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, sửa một phần quyết định của Bản án sơ thẩm, theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa .

[3] Về án phí:

- Án phí hình sự phúc thẩm: Theo quy định pháp luật các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm trong trường hợp này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 342, 344, 345, 348, 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, sửa một phần quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 134/2020/HS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố H:

1. Tuyên bố bị cáo P A T phạm tội: “Cướp giật tài sản”.

2. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 90, Điều 91, Điều 38, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 đối với bị cáo P A T.

Xử phạt bị cáo P A T 02 (hai) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo P A T cho chính quyền địa phương, giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt với bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm kháng nghị tăng hình phạt đối với bị cáo D M T.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao; (1)
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; (3)
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- Công an huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh; (1) (2)
- Trại tạm giam PC81B; (1)
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh (Phòng PC53); (1)
- Sở tư pháp; (1)
- Ủy ban nhân dân xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh; (1) (2)
- Thi hành án hình sự;
- Người bị hại;
- Lưu: VP, HS (TC 30)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Bích Duyên

